

PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN VỀ HÌNH THỨC THI OSCE TRONG KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TẠI KHOA RĂNG HÀM MẶT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Điền Hòa Anh Vũ¹, Nguyễn Thị Liên¹,

Lương Thảo Nguyên¹, Nguyễn Thị Hoàng Trúc^{1*}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Kỳ thi lâm sàng có cấu trúc khách quan (Objective Structured Clinical Examination – OSCE) ngày càng được sử dụng trong đánh giá năng lực lâm sàng, tuy nhiên việc áp dụng OSCE trong đánh giá kết thúc học phần vẫn chưa phổ biến trong đào tạo nha khoa. Nghiên cứu này nhằm khảo sát phản hồi của giảng viên về việc triển khai OSCE trong kỳ thi kết thúc học phần tại Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Văn Lang.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 39 giảng viên đã được huấn luyện và trực tiếp tham gia tổ chức, chấm điểm kỳ thi OSCE vào tháng 12 năm 2025. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi có cấu trúc, gồm 32 câu hỏi đóng theo thang Likert 5 mức độ và 3 câu hỏi mở. Nội dung khảo sát tập trung vào các nhóm chính: tính khách quan và công bằng của OSCE, mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra học phần, mức độ căng thẳng và khối lượng công việc khi triển khai, cũng như các đề xuất cải tiến. Dữ liệu được phân tích bằng kiểm định Chi bình phương và Kruskal–Wallis.

Kết quả: Trên 90% giảng viên đồng ý rằng OSCE có giá trị và độ tin cậy cao trong đánh giá năng lực lâm sàng. Cụ thể, 92,3% giảng viên cho rằng OSCE là hình thức thi khách quan nhất, 89,7% đánh giá OSCE là công bằng nhất, và 97,4% đề xuất mở rộng áp dụng OSCE trong tương lai. Bên cạnh đó, 51,3% giảng viên nhận định OSCE là hình thức thi gây căng thẳng cao, và 30,8% cho rằng OSCE là hình thức thi khó đối với sinh viên.

Kết luận: Giảng viên có phản hồi tích cực về việc áp dụng OSCE trong đánh giá kết thúc học phần. Các ý kiến thu thập được cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc cải tiến quy trình tổ chức và mở rộng áp dụng OSCE trong chương trình đào tạo nha khoa.

Từ khóa: OSCE, đánh giá học phần, giáo dục nha khoa

DENTAL LECTURERS FEEDBACK ON OBJECTIVE STRUCTURED CLINICAL EXAMINATION (OSCE) IN COURSE ASSESSMENT AT FACULTY OF DENTISTRY, VAN LANG UNIVERSITY

1. Trường Đại học Văn Lang

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hoàng Trúc

Email: truc.nth@vlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/12/2025

Ngày phản biện: 14/12/2025

Ngày duyệt bài: 22/12/2025

TIVE STRUCTURED CLINICAL EXAMINATION (OSCE) IN COURSE ASSESSMENT AT FACULTY OF DENTISTRY, VAN LANG UNIVERSITY

ABSTRACT

Objective: The Objective Structured Clinical Examination (OSCE) has been increasingly used to assess clinical competence; however, its implementation as an end-of-course assessment remains uncommon in dental education. This study aimed to investigate faculty feedback on the implementation of OSCE in the end-of-course examination at the Faculty of Odonto-Stomatology, Van Lang University.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 39 faculty members who had been trained and directly participated in organizing and scoring the OSCE in December 2025. Data were collected using a structured questionnaire consisting of 32 closed-ended items rated on a 5-point Likert scale and three open-ended questions. The survey focused on key domains including OSCE objectivity and fairness, alignment with course learning outcomes, perceived stress and workload during implementation, and suggestions for improvement. Data were analyzed using the Chi-square test and the Kruskal–Wallis test.

Results: Over 90% of faculty members agreed that OSCE has high validity and reliability in assessing clinical competence. Specifically, 92.3% considered OSCE the most objective examination format, 89.7% rated it as the fairest, and 97.4% recommended expanding OSCE implementation in the future. In addition, 51.3% perceived OSCE as a highly stressful examination, and 30.8% believed OSCE was difficult for students.

Conclusion: Faculty members reported positive feedback on the use of OSCE in end-of-course assessment. The collected feedback provides important practical evidence to improve the organization process and to expand OSCE implementation in dental education programs.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá năng lực lâm sàng là một phần quan trọng trong đào tạo y khoa nhằm đảm bảo chất lượng của đội ngũ nhân viên y tế. Truyền thống,

việc đánh giá chủ yếu dựa vào bài kiểm tra lý thuyết và thực hành lâm sàng, tuy nhiên, những phương pháp này có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan của giám khảo và không đảm bảo tính nhất quán.

Kỳ thi lâm sàng theo cấu trúc khách quan (OSCE - Objective Structured Clinical Examination) được giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1975 tại Đại học Dundee, Anh Quốc bởi Giáo sư Harden RM [1], là một phương pháp đánh giá có cấu trúc chặt chẽ nhằm đảm bảo tính khách quan và chính xác trong đánh giá sinh viên y khoa. OSCE nhanh chóng được chấp nhận và áp dụng rộng rãi trong nhiều chuyên ngành y tế như y khoa, điều dưỡng, dược học, và răng hàm mặt. Phương pháp này đánh giá toàn diện năng lực lâm sàng của sinh viên thông qua việc kiểm tra các kỹ năng như giao tiếp với bệnh nhân, khai thác bệnh sử, thực hiện kỹ thuật khám lâm sàng và xử lý tình huống thực tế. Nhờ hệ thống trạm thi chuẩn hóa, checklist chấm điểm chi tiết và thời gian được kiểm soát chặt chẽ, OSCE góp phần giảm thiểu tính chủ quan của giám khảo, nâng cao độ tin cậy và tính công bằng trong đánh giá năng lực lâm sàng.

OSCE mang lại nhiều lợi ích trong giáo dục y khoa, giúp xác định điểm mạnh, điểm yếu của sinh viên, đồng thời thúc đẩy khả năng tự đánh giá và cải thiện năng lực cá nhân. Tuy nhiên, phương pháp này cũng tồn tại những hạn chế, bao gồm chi phí tổ chức cao, yêu cầu nguồn lực lớn và thời gian chuẩn bị dài. Do đó, phản hồi từ giảng viên, những người trực tiếp tham gia tổ chức và đánh giá OSCE, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung trạm thi, hoàn thiện checklist, cải tiến quy trình tổ chức và nâng cao chất lượng kỳ thi. Hiện nay, trong bối cảnh đào tạo bác sĩ răng hàm mặt, OSCE vẫn là một phương pháp tương đối mới và chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về hiệu quả của nó.

Năm 2021, Phạm Dương Thanh Tâm và cộng sự đã thực hiện nghiên cứu về nhận thức của sinh viên điều dưỡng và giám khảo đối với OSCE tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh [2]. Tuy nhiên, các nghiên cứu về OSCE ở Khoa Răng Hàm Mặt còn hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu cảm nhận, thuận lợi, khó khăn và đề xuất của giảng viên về OSCE tại Khoa Răng Hàm Mặt là cần thiết nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của phương pháp, góp phần cải tiến quy trình tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo bác sĩ răng hàm mặt.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu:

Nghiên cứu này được thực hiện trên nhóm đối tượng gồm 39/47 giảng viên của khoa Răng Hàm Mặt, chiếm tỉ lệ 83%, những người đã được đào tạo về hình thức thi OSCE và trực tiếp tham gia tổ chức, đánh giá kỳ thi các học phần bằng hình thức thi này.

Điều kiện tham gia nghiên cứu là các đối tượng đồng ý tự nguyện và hoàn thành đầy đủ bảng câu hỏi khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả.

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng gồm 32 câu hỏi đóng và 3 câu hỏi mở có cấu trúc chia làm ba phần chính: (1) Thông tin nhân khẩu học của người tham gia; (2) Đánh giá về đặc điểm, tổ chức, giá trị và độ tin cậy của kỳ thi OSCE; (3) Câu hỏi mở để thu thập đề xuất và ý kiến đóng góp. Các câu hỏi (1) và (2) được xây dựng câu trả lời theo thang đo Likert: 1. Hoàn toàn đồng ý, 2. Đồng ý, 3. Không chắc chắn, 4. Không đồng ý, 5. Hoàn toàn không đồng ý. Phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu được xác nhận thông qua tài khoản Microsoft Form của Đại học Văn Lang.

Quy trình thực hiện nghiên cứu bao gồm xây dựng bảng câu hỏi trên Microsoft Form; mời ngẫu nhiên 8 giảng viên đánh giá nội dung và cách diễn đạt của bảng câu hỏi, từ đó chỉnh sửa để phù hợp hơn; triển khai khảo sát chính thức trên toàn bộ đối tượng nghiên cứu thông qua Microsoft Form; chọn ngẫu nhiên 25% số người tham gia để trả lời lại bảng câu hỏi sau hai tuần, nhằm đánh giá mức độ ổn định của dữ liệu; tổng hợp và xử lý số liệu thu được.

Các thông tin về nhân khẩu học như: độ tuổi, giới tính, năm tốt nghiệp và kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên, chức danh nghề nghiệp. Các biến số khảo sát thu thập trên bảng câu hỏi được đo lường theo thang Likert 5 mức độ như trên.

Dữ liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm STATA phiên bản 17.0. Các biến định lượng được trình bày dưới dạng trung bình hoặc trung vị, trong khi các biến định tính được thể hiện dưới dạng tần suất và tỷ lệ phần trăm. Phân tích dữ liệu bằng phép kiểm Chi bình phương và Kruskal - Wallis. Kiểm soát sai số bằng cách đối chiếu dữ liệu thu thập với sự kiểm tra độc lập của hai người khác nhau.

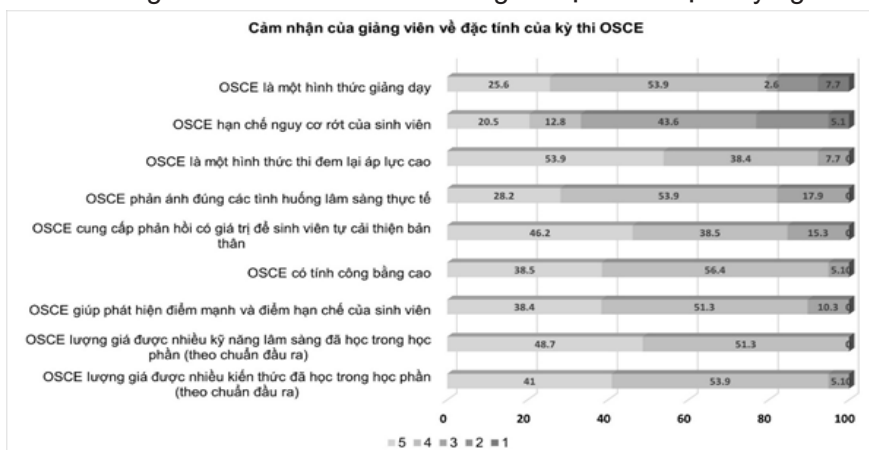
2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu không gây ảnh hưởng hoặc can thiệp vào đối tượng tham gia. Trước khi tham gia, mỗi cá nhân đều được giải thích rõ ràng về mục tiêu và nội dung nghiên cứu, đồng thời đảm bảo tính tự nguyện và không có bất kỳ khoản thù lao nào. Người tham gia có toàn quyền rút khỏi nghiên

cứu bất cứ lúc nào nếu họ muốn. Dữ liệu thu thập được bảo mật tuyệt đối, thông tin cá nhân của người tham gia được mã hóa để tránh rò rỉ. Việc tham gia khảo sát không tác động đến quyền lợi của giảng viên khoa Răng Hàm Mặt. Toàn bộ quá trình nghiên cứu tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc khoa học và đạo đức nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Tổng cộng có 39 giảng viên khoa Răng hàm mặt trường Đại học Văn Lang tham gia nghiên cứu này. Phân bố mẫu nghiên cứu theo giới tính và chức danh không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.



Hình 1. Cảm nhận của giảng viên về đặc tính của kỳ thi OSCE (5= Hoàn toàn đồng ý, 4= Đồng ý, 3= Không chắc chắn, 2= Không đồng ý, 1= Hoàn toàn không đồng ý)

Chỉ duy nhất một đặc điểm “OSCE hạn chế nguy cơ rớt của sinh viên”, có gần 44% giảng viên trả lời là “Không chắc chắn” (Hình 1). Đây cũng là đặc điểm duy nhất cho thấy sự khác biệt giữa Trợ giảng 1 và Trợ giảng 2 (giá trị $p = 0,016$) (Bảng 1).

Bảng 1. So sánh cảm nhận về đặc tính của OSCE giữa GV, TG1 và TG2

Đặc tính	Giá trị p^*
OSCE lượng giá được nhiều kiến thức đã học trong học phần (theo chuẩn đầu ra)	0,724
OSCE lượng giá được nhiều kỹ năng lâm sàng đã học trong học phần (theo chuẩn đầu ra)	0,536
OSCE giúp phát hiện điểm mạnh và điểm hạn chế của sinh viên	0,898
OSCE có tính công bằng cao	0,904
OSCE cung cấp phản hồi có giá trị để sinh viên tự cải thiện bản thân	0,414
OSCE phản ánh đúng các tình huống lâm sàng thực tế	0,124
OSCE là một hình thức thi đem lại áp lực cao	0,123
OSCE hạn chế nguy cơ rớt của sinh viên	0,036
OSCE là một hình thức giảng dạy	0,222

* Kiểm định Kruskal–Wallis giữa 3 nhóm độc lập

Phần lớn giảng viên đánh giá OSCE là hình thức thi có tính khách quan, công bằng và phù hợp với chuẩn đầu ra học phần. Trên 90% giảng viên đồng ý rằng OSCE có khả năng lượng giá hiệu quả các kỹ năng lâm sàng và phản ánh đúng các tình huống thực tế. Đa số giảng viên cũng cho rằng OSCE cung cấp phản hồi có giá trị giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh và hạn chế của bản thân (Hình 1).

Riêng tiêu chí “OSCE hạn chế nguy cơ rớt của sinh viên”, 43,6% giảng viên lựa chọn mức “Không chắc chắn”. Đây cũng là tiêu chí duy nhất ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm chức danh giảng dạy ($p = 0,036$) (Bảng 1).

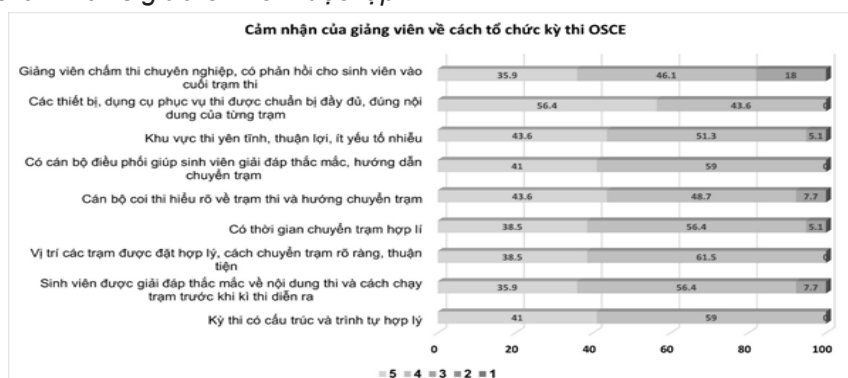


Hình 2. Cảm nhận của giảng viên về cấu trúc của kỳ thi OSCE (5= Hoàn toàn đồng ý, 4= Đồng ý, 3= Không chắc chắn, 2= Không đồng ý, 1= Hoàn toàn không đồng ý)

Bảng 2. So sánh cảm nhận về cấu trúc của OSCE giữa GV, TG1 và TG2

Đặc tính	Giá trị p*
Kỳ thi có cấu trúc và trình tự hợp lý	0,457
Số lượng trạm thi được thiết kế đủ cho các nội dung của chuẩn đầu ra học phần	0,480
Thời gian được phân bổ đủ cho mỗi trạm thi	0,563
Bối cảnh, yêu cầu mỗi trạm thi rõ ràng, dễ hiểu	0,172
Hình thức của các trạm thi phản ánh đúng bối cảnh lâm sàng thực tế	0,459
Bảng kiểm của các trạm thi có thể lượng giá khách quan và chính xác năng lực theo chuẩn đầu ra học phần	0,189

* Kiểm định Kruskal–Wallis giữa 3 nhóm độc lập



Hình 3. Cảm nhận của giảng viên về cấu trúc của kỳ thi OSCE (5= Hoàn toàn đồng ý, 4= Đồng ý, 3= Không chắc chắn, 2= Không đồng ý, 1= Hoàn toàn không đồng ý)

Bảng 3. So sánh cảm nhận về tổ chức của OSCE giữa GV, TG1 và TG2

Đặc tính	Giá trị p*
Kỳ thi có cấu trúc và trình tự hợp lý	0,840
Sinh viên được giải đáp thắc mắc về nội dung thi và cách chạy trạm trước khi kì thi diễn ra	0,665
Vị trí các trạm được đặt hợp lý, cách chuyển trạm rõ ràng, thuận tiện	0,787
Có thời gian chuyển trạm hợp lý	0,344
Cán bộ coi thi hiểu rõ về trạm thi và hướng chuyển trạm	0,325

Đặc tính	Giá trị p*
Có cán bộ điều phối giúp sinh viên giải đáp thắc mắc, hướng dẫn chuyển trạm	0,457
Khu vực thi yên tĩnh, thuận lợi, ít yếu tố nhiễu	0,937
Các thiết bị, dụng cụ phục vụ thi được chuẩn bị đầy đủ, đúng nội dung của từng trạm	0,208
Giảng viên chấm thi chuyên nghiệp, có phản hồi cho sinh viên vào cuối trạm thi	0,535

* Kiểm định Kruskal–Wallis giữa 3 nhóm độc lập

Không có sự khác biệt giữa 3 nhóm giảng viên về cảm nhận về cấu trúc và cách tổ chức của OSCE (Bảng 2 và Bảng 3).

Giảng viên đánh giá cao cấu trúc, trình tự và cách tổ chức của kỳ thi OSCE. Trên 85% giảng viên đồng ý rằng số lượng trạm thi, thời gian phân bổ, bối cảnh và bảng kiểm tại các trạm là phù hợp với nội dung học phần (Hình 2). Không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm giảng viên về cảm nhận đối với cấu trúc và tổ chức kỳ thi (Bảng 2 và Bảng 3).

Bảng 4. Cảm nhận của giảng viên khi so sánh OSCE với các hình thức thi khác

	OSCE	MCQ	Ca LS	Vấn đáp	Câu hỏi nhỏ	Tự luận
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây khó nhất?	30,8	5,1	28,1	15,4	2,6	18,0
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây căng thẳng nhất?	51,3	0	0	48,7	0	0
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây công bằng nhất?	89,7	7,7	0	0	2,6	0
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây cho thấy điểm mạnh/điểm yếu của SV tốt nhất?	79,5	2,6	15,3	2,6	0	0
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây khách quan nhất?	92,3	7,7	0	0	0	0
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây dễ rút nhất?	28,2	5,2	12,8	25,6	2,6	25,6
Theo bạn, hình thức thi nào sau đây nên được mở rộng trong tương lai?	97,4	2,6	0	0	0	0

Hơn 90% giảng viên đồng ý rằng OSCE có độ tin cậy và giá trị cao. Khi so sánh với các loại kỳ thi khác, hầu hết giảng viên đều tin rằng OSCE là công bằng nhất (89,7%), khách quan nhất (92,3%) và nên được mở rộng trong tương lai (97,4%) (Bảng 4).

Khi được hỏi về mức độ căng thẳng của các hình thức thi, 51,3% giảng viên cho rằng OSCE là hình thức thi gây căng thẳng nhất, trong khi 48,7% cho rằng vấn đáp gây căng thẳng cao. Ngoài ra, 30,8% giảng viên nhận định OSCE là hình thức thi khó đối với sinh viên, phản ánh áp lực đáng kể trong quá trình triển khai và tham gia kỳ thi.

Phần lớn giảng viên (97,4%) đề xuất mở rộng áp dụng OSCE trong các học phần lâm sàng trong tương lai. OSCE được đánh giá cao về khả năng phản ánh điểm mạnh và hạn chế của sinh viên (79,5%), cũng như tính khách quan (92,3%) và công bằng (89,7%). Tuy nhiên, các ý kiến mở cho thấy nhu cầu tiếp tục cải tiến về phân bổ thời gian trạm thi, khối lượng công việc của giảng viên và chuẩn hóa quy trình tổ chức nhằm giảm áp lực cho cả người dạy và người học.

IV. BÀN LUẬN

Phương pháp thi OSCE đã được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới như một phương pháp tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lâm sàng trong đào tạo y khoa [3,4]. Nghiên cứu này cho thấy những phản hồi tích cực từ các giảng viên đối với kỳ thi OSCE trong đánh giá kết thúc học phần. Việc 100% giảng viên nhất trí rằng OSCE có khả năng lượng giá nhiều kỹ năng lâm sàng theo chuẩn đầu ra là một minh chứng quan trọng, khẳng định sự tin tưởng của đội ngũ giảng dạy vào phương pháp đánh giá này. Điều này phù hợp với xu hướng chung trong đào tạo y khoa, khi OSCE ngày càng được công nhận là một công cụ đánh giá năng lực thực hành hiệu quả, khách quan và toàn diện [5-8].

Phản hồi tích cực của giảng viên về tính công bằng (89,7%) và tính khách quan (92,3%) của OSCE là một điểm đáng chú ý. Điều này củng cố ưu thế nổi bật của OSCE so với các phương pháp lượng giá truyền thống, vốn dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan. Nghiên cứu của Lê Ngọc Tuyết và cộng sự trên sinh viên điều dưỡng tại Đại học Y Dược TP.HCM cũng cho thấy 65% sinh viên đồng ý rằng OSCE là một kỳ thi công bằng [9]. Sự đồng thuận cao từ các giảng viên về khía cạnh công bằng và khách quan của OSCE nhấn mạnh tiềm năng lớn của phương pháp này trong việc xây dựng quy trình đánh giá minh bạch, đáng tin cậy và công bằng.

Đặc biệt, việc 97,4% giảng viên tại khoa Răng Hàm Mặt, trường Đại học Văn Lang đề xuất mở rộng hình thức thi OSCE trong tương lai cho thấy sự ủng hộ mạnh mẽ đối với việc tiếp tục phát triển và ứng dụng phương pháp này. Để hiện thực hóa đề xuất này một cách hiệu quả, cần tăng cường các buổi tập huấn chuyên sâu cho giảng viên nhằm thống nhất cách hiểu về bảng kiểm, từ đó giảm thiểu sai sót chủ quan. Đồng thời, việc chuẩn hóa các bảng kiểm cần được thực hiện thông qua hội đồng chuyên gia để đảm bảo tính bao quát.

Bên cạnh đó, tính giá trị nội dung của các trạm thi OSCE là yếu tố then chốt để đảm bảo kỳ thi phản ánh đúng năng lực lâm sàng cần đánh giá. Nghiên cứu của Lê Quốc Bảo và cộng sự đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng quy trình đánh giá tính giá trị nội dung cho bảng kiểm trạm hỏi bệnh sử [10]. Việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia và điều chỉnh bảng kiểm dựa trên mức độ phù hợp của các tiêu chí có thể nâng cao đáng kể tính giá trị nội dung của công cụ lượng giá [10].

Mặc dù nghiên cứu này không đi sâu vào quy trình đảm bảo tính giá trị nội dung, đây vẫn là một yếu tố quan trọng cần được cân nhắc để nâng cao chất lượng kỳ thi OSCE. Việc xây dựng các trạm thi dựa trên các tình huống lâm sàng thực tế [4,6] và đảm bảo các nhiệm vụ trong OSCE phản ánh đúng nội dung giảng dạy [5] là cần thiết để tăng tính giá trị của kỳ thi.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm được ghi nhận, cần xem xét các thách thức và hạn chế để đảm bảo triển khai OSCE một cách hiệu quả. Một trong những vấn đề quan trọng là độ tin cậy giữa các giảng viên (inter-rater reliability) trong lượng giá OSCE. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Tâm và cộng sự đã chỉ ra rằng sự khác biệt trong đánh giá có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cách tổ chức kỳ thi, thời gian mỗi trạm, hệ thống tính điểm, bảng kiểm chấm điểm và người tham gia lượng giá [11]. Mặc dù nghiên cứu tại Đại học Văn Lang không trực tiếp đánh giá sự khác biệt giữa các giảng viên, kết quả từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Tâm cho thấy đây là một khía cạnh cần được quan tâm và có các biện pháp để giảm thiểu sự không nhất quán trong quá trình lượng giá. Việc sử dụng bảng kiểm chuẩn hóa và tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên về cách sử dụng bảng kiểm là những giải pháp quan trọng để nâng cao độ tin cậy giữa các giám khảo. Đồng thời, nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Tâm cũng gợi ý rằng việc chuẩn hóa quá trình lượng giá của giảng viên là yếu tố then chốt để cải thiện độ tin cậy [11].

Một vấn đề khác thường được đề cập đến trong các nghiên cứu về OSCE là áp lực thời gian và mức độ căng thẳng mà sinh viên phải đối mặt [4-6]. Mặc dù nghiên cứu này tập trung vào cảm nhận của giảng viên, nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng nhiều sinh viên cảm thấy thời gian phân bổ cho mỗi trạm thi là không đủ để hoàn thành các nhiệm vụ yêu cầu [4,6]. Đây là một yếu tố mà giảng viên tham gia tổ chức kỳ thi OSCE cần phải lưu ý. Việc xác định thời gian làm bài phù hợp cho các trạm thi cần được thực hiện trên cơ sở thực nghiệm, đảm bảo sự cân đối giữa thời gian thi và khả năng đánh giá năng lực sinh viên một cách chính xác.

Nghiên cứu còn một số hạn chế như cỡ mẫu nghiên cứu còn khá nhỏ và chỉ giới hạn trong phạm vi một khoa (Răng Hàm Mặt), điều này có thể làm giảm tính đại diện cho toàn bộ các kỳ thi tại các

khoa răng hàm mặt trên toàn quốc. Bên cạnh đó, bộ câu hỏi sử dụng trong đánh giá nhận thức của giảng viên trong nghiên cứu này chưa được chuẩn hóa hoàn toàn do đó kết quả có thể chưa phản ánh được hết các góc nhìn đa chiều về kỳ thi.

V. KẾT LUẬN

Tóm lại, kết quả nghiên cứu tại Trường đại học Văn Lang cho thấy sự đồng thuận cao của giảng viên về hiệu quả, tính công bằng và khách quan của kỳ thi OSCE. Tuy nhiên, để tối ưu hóa hiệu quả của phương pháp đánh giá này, cần xem xét một cách toàn diện các yếu tố liên quan đến độ tin cậy giữa các giám khảo, áp lực thời gian đối với sinh viên, tính giá trị nội dung của các trạm thi và phản hồi từ sinh viên về trải nghiệm thi. Việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và cải tiến quy trình OSCE dựa trên cả quan điểm của giảng viên và sinh viên là cần thiết để đảm bảo rằng OSCE thực sự là một công cụ lượng giá khách quan, công bằng và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Harden R.M.** What is an OSCE? *Med Teach.* 1988;10(1):19-22. doi: 10.3109/01421598809019321.
2. **Harden R.M., Stevenson M., Downie W.W., Wilson G.M.** Assessment of clinical competence using objective structured examination. *Br Med J.* 1975;1(5955):447-51. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2923.1979.tb00918.x>.
3. **Al-Hashimi K., Said U.N., Khan T.N.** Formative Objective Structured Clinical Examinations (OSCEs) as an Assessment Tool in UK Undergraduate Medical Education: A Review of Its Utility. *Cureus.* 2023;15(5):e38519. doi: 10.7759/cureus.38519.
4. **Barzansky B., Etzel S.I.** Medical Schools in the United States, 2015-2016. *JAMA.* 2016;316(21):2283-90. doi:10.1001/jama.2016.13620.
5. **Majumder M.A.A., Kumar A., Krishnamurthy K., Ojeh N., Adams O.P., Sa B.** An evaluative study of objective structured clinical examination (OSCE): students and examiners perspectives. *Adv Med Educ Pract.* 2019;10:387-97. doi: 10.2147/AMEP.S197275.
6. **Sullivan G.M.** A primer on the validity of assessment instruments. *J Grad Med Educ.* 2011;3(2):119-20. doi: 10.4300/JGME-D-11-00075.1.
7. **Salinitri F.D., O'Connell M.B., Garwood C.L., Lehr V.T., Abdallah K.** An objective structured clinical examination to assess problem-based learning. *Am J Pharm Educ.* 2012;76(3):44. doi: 10.5688/ajpe76344.
8. **Furmedge D.S., Smith L.J., Sturrock A.** Developing doctors: what are the attitudes and perceptions of year 1 and 2 medical students towards a new integrated formative objective structured clinical examination? *BMC Med Educ.* 2016;16:32. doi: 10.1186/s12909-016-0542-3.
9. **Lê Ngọc Tuyết, Huỳnh Thuỵ Phương Hồng, Phạm Dương Thanh Tâm, Trần Thuỵ Khánh Linh, Phạm Lê An.** Phản hồi của sinh viên điều dưỡng dựa trên trải nghiệm về kỳ thi OSCE tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh;* 28(1):54-60. <https://doi.org/10.32895/hcjm.m.2025.01.07>.
10. **Lê Quốc Bảo, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Hồ Hội.** Đảm bảo tính giá trị nội dung của trạm thi OSCE hỏi bệnh sử cho sinh viên y đa khoa năm thứ hai. Đại học Y Dược TP HCM, Việt Nam, Trung tâm Khoa học Sức khỏe Đại học Công nghệ Texas El Paso, Hoa Kỳ.
11. **Phạm Dương Thanh Tâm, Phạm Lê An, Trần Thuỵ Khánh Linh, Lê Ngọc Tuyết, Nguyễn Thị Huyền Trang.** Nhận thức của sinh viên điều dưỡng và giám khảo đối với kỳ thi lâm sàng theo cấu trúc khách quan (OSCE). *Y Học TP. Hồ Chí Minh, Tập 25, Số 5,* 2021.